

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn
Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn
Địa điểm xây dựng: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, khóa XII, kỳ họp thứ 14 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2021 (vốn đầu tư tập trung ngân sách tỉnh);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 199/TTr-BQL ngày 12/7/2021; ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1686/SNN-QLXDCT ngày 12/7/2021 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 496/BC-SKHĐT ngày 14/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Tên dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Mục tiêu đầu tư dự án: Tiêu thoát lũ cho khu vực sông Dinh thuộc phường Nhơn Bình và Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn nhằm trực tiếp bảo vệ khu dân cư, đô thị và sản xuất được đảm bảo an toàn, hạn chế các thiệt hại do lũ chính vụ gây ra theo tần suất quy định; đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như các công trình hạ tầng công cộng trong khu vực; cải tạo môi trường sinh thái và cảnh quan đô thị, kết hợp giao thông.

5. Nội dung và quy mô đầu tư dự án:

- Mở rộng và nạo vét đáy sông, xây dựng đê và kè gia cố bờ sông, kết hợp làm đường giao thông toàn tuyến từ ngã ba đầu sông đến tràn Quy Nhơn 1 dài 3.130 m, tổng chiều dài (gồm 2 bờ) xây dựng các tuyến đê là 6.154 m.

- Mở rộng khẩu độ cầu Chợ Dinh trên tuyến QL19 cũ để đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt.

6. Phương án thiết kế cơ sở:

6.1. Tiêu chí thiết kế:

- Tần suất mô hình mưa tiêu thiết kế $P = 10\%$. Khu vực đô thị thành phố Quy Nhơn tính với mưa 1 ngày max; tiêu chí tiêu mưa 1 ngày, tiêu 1 ngày.

- Chống lũ chính vụ với tần suất 5%.

- Tần suất lưu lượng, mực nước lớn nhất thiết kế và kiểm tra công trình: $P = 1,5\%$ và $P = 0,5\%$ (theo dự án Tiêu thoát lũ sông Hà Thanh).

- Tần suất lưu lượng, mực nước lớn nhất để tính toán thiết kế các công trình tạm thời phục vụ dẫn dòng thi công: $P \leq 10\%$.

- Hệ số an toàn nhỏ nhất về ổn định của các hạng mục công trình và hệ công trình - nền trong điều kiện làm việc bình thường $[K_{cp}] = 1,25$.

6.2. Phương án thiết kế

a) Đê và công trình trên đê

- Điểm đầu: Tại ngã ba sông Hà Thanh (thượng lưu đập Phú Xuân).

- Điểm cuối: Tại tràn Quy Nhơn 1.

- Lưu lượng thiết kế: $Q = 400,0 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Mực nước thiết kế:

+ Tại ngã ba sông Hà Thanh: +4,27m;

+ Tại tràn Quy Nhơn 1: +2,30 m.

- Chiều rộng đáy sông thiết kế:

+ Từ đập dâng Phú Xuân đến hết đoạn khu dân cư chợ Dinh: $B = 40,00 \text{ m}$;

+ Từ cầu chợ Dinh đến trước đường đi vào nhà máy xử lý nước thải: $B = 43,00 \text{ m}$;

+ Từ trước đường vào nhà máy xử lý nước thải đến tràn Quy Nhơn 1: $B = (43,00 \div 130,00) \text{ m}$.

- Cao độ đáy sông: $\pm 0,00\text{m}$ (tại vị trí hạ lưu đập Phú Xuân) đến $-1,30\text{m}$ (vị trí tràn Quy Nhơn 1).

- Tổng chiều dài các tuyến đê 6.154 m, (trong đó bờ tả: 3.024 m; bờ hữu 3.130 m).

- Cao độ đỉnh đê:

+ Đoạn từ ngã ba sông Hà Thanh (cầu sắt 1) đến đập Phú Xuân: +5,00m;

+ Tại đập Phú Xuân: +4,50m;

+ Tại tràn Quy Nhơn 1: +2,40m.

- Kết cấu mặt cắt ngang:

+ Đoạn bờ hữu từ tiếp nối cầu sắt 1 thuộc sông Hà Thanh đến đập Phú Xuân, đoạn từ hạ lưu đập Phú Xuân đến cầu đường sắt và đoạn từ đường vào nhà máy xử lý nước thải đến tràn Quy Nhơn 1: Mái sông có hệ số mái $m = 2,0$ được gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn ngầm âm dương kích thước (45x45x12) cm trong khung BTCT, đá dăm lót 1x2cm dày 10 cm và vải lọc địa kỹ thuật, chân khay bằng ống buy BTCT, đường kính trong D60cm, dài 2 m, liên kết với nhau bằng giằng BTCT khóa đỉnh ống buy, bên ngoài hàng ống buy là lăng thể đá học chống xói. Mái phía đồng trồng cỏ.

+ Đoạn từ cầu đường sắt đến đường vào nhà máy xử lý nước thải: Kết cấu tường đứng BTCT M250, chiều cao tường $H = (3,6 \div 4,5)$ m.

- Kết cấu mặt đê toàn tuyến thiết kế kết hợp giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị, tổng bề rộng mặt đê $L = 14,0$ m, trong đó:

+ Vía hè phía sông rộng 2 m, kết cấu bằng gạch block màu nâu đỏ, KT (30x30x5) cm phía dưới đệm cát dày 5 cm. Vía hè phía nhà dân rộng 5 m, đắp đất đầm chặt K95. Bó vỉa hai bên vỉa hè bằng bê tông M250.

+ Mặt đường rộng 7 m, kết cấu áo đường mềm trên cùng thảm lớp bê tông nhựa C12,5 dày 4 cm, tiếp lớp bê tông nhựa C19 dày 6 cm; phía dưới cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max} = 25$ cm dày 16 cm; cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max} = 37,5$ cm dày 18 cm; dưới cùng lớp đất cấp phối K98 dày 50 cm.

+ Lan can lắp đặt trên đỉnh tường, cao 0,95 m, kết cấu trụ bằng gang đúc rỗng, tay vịn bằng ống thép tráng kẽm $D = 60$ mm dày 2,5 mm, sơn tĩnh điện bề mặt màu xám bạc. Nan hoa lan can bằng thép dày 10 mm cắt cong, sơn tĩnh điện bề mặt màu xám bạc.

b) Mở rộng cầu Chợ Dinh

- Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực căng trước.
- Tải trọng thiết kế: HL93.
- Chiều dài nhịp mở rộng: Gồm 1 nhịp 21 m.
- Chiều dài phần mở rộng $L_c = 24,10$ m (Tính từ đuôi mô hiện trạng đến đuôi mô cầu mở rộng).
- Khổ cầu: $B = 10,4 + 0,4 \times 2 = 11,2$ m, không có lề bộ hành.
- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng không sơn.

c) Hệ thống thoát nước mặt

Xây dựng hệ thống thoát nước dọc 2 bờ để thoát nước mặt, bao gồm:

- Xây dựng hệ thống tuyến công thoát nước dọc kè tổng chiều dài 5.620,0 m bằng ống BTCT, đường kính $D = 600$ mm. Trên tuyến bố trí 402 hố ga kích thước $B \times H = (1 \times 1)$ m và $B \times H = (1,2 \times 1,2)$ m, kết cấu bằng BTCT M250, nắp bằng gang cầu và cửa thu nước mặt đường để quản lý vận hành hệ thống.

- Tại vị trí các hố ga, xây dựng các cống ngang bằng ống BTCT đường kính D600mm để đấu nối với hệ thống cống dọc.

- Xây dựng 17 cửa xả đường kính D1500mm để thoát nước ra sông.

d) Nạo vét lòng dẫn

Nạo vét lòng dẫn sông Dinh đoạn từ hạ lưu đập Phú Xuân đến thượng lưu tràn Quy Nhơn 1 có chiều dài 2.940 m, cao độ nạo vét từ 0,00m đến -1,30m.

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung lập, được Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định thẩm định tại Văn bản số 1686/SNN-QLXDCT ngày 12/7/2021).

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

8. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất 27,67 ha. Trong đó, diện tích chiếm đất vĩnh viễn 25,17 ha; diện tích chiếm đất tạm thời 2,50 ha.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT, dự án nhóm B, công trình cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục Tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Số bước thiết kế: 02 bước (*thiết kế cơ sở và thiết kế BVTC*).

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

+ QCVN 04-01:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi;

+ QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

+ QCVN 07-2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật;

+ TCVN 9902-2016: Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;

+ TCVN 8419-2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông chống lũ;

+ TCVN 11823-2017: Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ;

+ TCVN 4054-2005: Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 104-2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 7957-2008: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ Các tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: 295.000.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

| | | | |
|----------------------------------|---|-----------------|-------|
| - Chi phí xây dựng | : | 251.693.796.000 | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án | : | 3.818.881.000 | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | : | 8.448.202.000 | đồng; |
| - Chi phí khác | : | 7.646.614.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : | 23.392.507.000 | đồng. |

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 ÷ 2024.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND thành phố Quy Nhơn thành lập Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện từ nguồn vốn do UBND thành phố Quy Nhơn quản lý (không thuộc dự án này) và bàn giao mặt bằng sạch cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tổ chức thi công đảm bảo theo tiến độ yêu cầu.

16. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

17. Các nội dung khác:

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Văn bản số 1686/SNN-QLXDCT ngày 12/7/2021.

- Chủ đầu tư cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin báo cáo của dự án theo quy định vào Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ trước khi triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

II. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn Dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn với nội dung chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Phu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. *llh*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU TƯ VẤN
Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Tên gói thầu | Giá gói thầu (1.000 đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|---|--|---------------------------|-----------------|-----------------------------|-------------------------------|---|---------------|------------------------------|
| 1 | Lập nhiệm vụ khảo sát (giai đoạn lập TKBVTC) | 5.455 | Vốn đầu tư công | Tự thực hiện | Thỏa thuận, giao việc | Quý III/2021 | Trọn gói | 01 tháng |
| 2 | Giám sát công tác khảo sát địa hình, địa chất | 7.404 | Vốn đầu tư công | Tự thực hiện | Thỏa thuận, giao việc | Quý III/2021 | Trọn gói | 02 tháng |
| 3 | Tư vấn khảo sát, lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán | 3.683.442 | Vốn đầu tư công | Đấu thầu rộng rãi qua mạng | 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ | Quý III/2021 | Trọn gói | 06 tháng |
| 4 | Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán | 349.854 | Vốn đầu tư công | Chỉ định thầu | Thương thảo hợp đồng | Quý IV/2021 | Trọn gói | 02 tháng |
| 5 | Chi phí cắm mốc giải phóng mặt bằng | 495.000 | Vốn đầu tư công | Chỉ định thầu | Thương thảo hợp đồng | Quý III/2021 | Trọn gói | 01 tháng |
| 6 | Tư vấn lập báo cáo điều tra hiện trạng rừng | 50.000 | Vốn đầu tư công | Chỉ định thầu | Thương thảo hợp đồng | Quý IV/2021 | Trọn gói | 02 tháng |
| Tổng cộng giá trị các gói thầu: 4.591.155.000 đồng. <i>(Bốn tỷ, năm trăm chín mươi một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng)</i> | | | | | | | | |